

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		121	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		121	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		122	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		111	V
						209210	Định giá đất đai	2		122	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		121	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		122	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		131	0.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	0.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	0.0
						209401	Luật đất đai	2		112	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		121	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		121	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		131	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		131	V
						213602	Anh văn 2	5		112	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		111	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
3	10124261	TRANG QUỐC HÒA	DH10QLGL	103.0	1.59	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	2.5
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		111	3.5
						202622	Pháp luật đại cương	2		121	3.9
						209118	Tin học chuyên ngành	3		121	3.0
						209202	Kinh tế đất đai	2		111	2.0
						209210	Định giá đất đai	2		122	2.0
						209302	Đánh giá đất đai	2		121	2.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	3.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	3.0
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	2.0
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	2.0
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
4	10124320	TẠ HUỖNH HUY	DH10QLGL	83.0	1.44	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	0.0
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		111	3.5
						209107	Viễn thám cơ sở	3		121	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		121	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		121	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		131	0.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	0.0

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	0.0
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		121	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		131	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		131	V
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
5	10124262	NGUYỄN DUY KHANG	DH10QLGL	95.0	1.61	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		122	2.0
						202622	Pháp luật đại cương	2		121	2.0
						209118	Tin học chuyên ngành	3		121	3.0
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		122	V
						209210	Định giá đất đai	2		122	2.0
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	1.0
						209302	Đánh giá đất đai	2		121	3.5
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		131	3.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	2.0
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		121	1.0
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	3.0
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						213602	Anh văn 2	5		112		
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3			
6	10124263	KPẢ	KÝ	DH10QLGL	41.0	0.48	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	0.0
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		122	V
							202114	Toán cao cấp C1	3		101	3.0
							209101	Trắc địa đại cương	3		111	V
							209102	Trắc địa địa chính	3		112	V
							209107	Viễn thám cơ sở	3		121	V
							209110	Bản đồ học	3		112	V
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		121	V
							209118	Tin học chuyên ngành	3		121	V
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		122	V
							209202	Kinh tế đất đai	2		111	V
							209210	Định giá đất đai	2		122	V
							209301	Tài nguyên đất đai	3		111	V
							209302	Đánh giá đất đai	2		121	V
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		122	V
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		131	0.0
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	0.0
							209308	Quy hoạch đô thị	3		131	0.0
							209401	Luật đất đai	2		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		121	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		121	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		131	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		131	V
						213602	Anh văn 2	5		112	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		111	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
7	10124302	NGUYỄN TIẾN LÊ	DH10QLGL	15.0	0.13	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	0.0
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		101	2.3
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		122	V
						200202	Quân sự (thực hành)*	3		111	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		101	V
						202121	Xác suất thống kê	3		102	V
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		102	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		101	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		101	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		102	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		111	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209102	Trắc địa địa chính	3		112	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		121	V
						209110	Bản đồ học	3		112	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		121	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		121	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		122	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		111	V
						209210	Định giá đất đai	2		122	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		121	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		122	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		131	0.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	0.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	0.0
						209401	Luật đất đai	2		112	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		121	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		121	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		131	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		131	V
						213602	Anh văn 2	5		112	
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		111	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
8	10114082	TRẦN CÔNG LUẬN	DH10QLGL	136.0	2.48	209408	Thanh tra đất đai	2		131	3.0
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
9	10124264	PHẠM THỊ LỮY	DH10QLGL	135.0	2.84	213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
10	10124265	KPÃ MINH	DH10QLGL	3.0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	0.0
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		101	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		122	V
						200202	Quân sự (thực hành)*	3		111	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		101	V
						202115	Toán cao cấp C2	3		101	V
						202121	Xác suất thống kê	3		102	V
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		101	V
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		102	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		101	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		101	V
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		102	V
						209101	Trắc địa đại cương	3		111	V
						209102	Trắc địa địa chính	3		112	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		121	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209110	Bản đồ học	3		112	V
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		121	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		121	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		122	V
						209202	Kinh tế đất đai	2		111	V
						209210	Định giá đất đai	2		122	V
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		121	V
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		122	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		131	0.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	0.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	0.0
						209401	Luật đất đai	2		112	V
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		121	
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		121	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		121	V
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		131	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		131	V
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5		112	
						214101	Tin học đại cương	3		101	V
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		111	V
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
11	10124266	NGUYỄN THỊ MINH	DH10QLGL	131.0	2.50	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	3.0
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
12	10124267	VŨ ĐỨC MINH	DH10QLGL	118.0	2.00	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		132	3.1
						209202	Kinh tế đất đai	2		111	2.0
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	1.0
						209408	Thanh tra đất đai	2		131	3.0
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
13	10114081	ĐINH VĂN NAM	DH10QLGL	135.0	2.80	213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
14	10112309	PHẠM THỊ THANH NHÀN	DH10QLGL	134.0	2.14	209408	Thanh tra đất đai	2		131	2.0
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	3.0
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
15	10124301	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH10QLGL	140.0	2.88	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
16	10124270	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH10QLGL	133.0	2.48	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	2.0
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
17	10124324	LÂM MINH THÀNH	DH10QLGL	123.0	1.82	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		111	3.0
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		131	3.5
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	3.0
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	3.0
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
18	10124300	LÊ TRƯƠNG THÀNH	DH10QLGL	140.0	2.56	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
19	10124308	TRẦN THỊ THÙY	DH10QLGL	138.0	2.71		Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
20	10124309	PHẠM NGỌC TÍN	DH10QLGL	128.0	2.23	202115	Toán cao cấp C2	3		122	3.7
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	3.0
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
21	10124304	NGUYỄN THỊ THẢO TRANG	DH10QLGL	133.0	2.63	213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		
22	10124322	ĐÀO ANH TUẤN	DH10QLGL	127.0	2.12	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		102	3.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	3.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	3.0

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
23	10124305	NGÔ THỊ HẢI YẾN	DH10QLGL	129.0	2.14	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		131	3.5
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	3.0
						213602	Anh văn 2	5		112	
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	3		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 6 TC (Min)

0101.	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	202625 Địa lý tự nhiên	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208211 Kinh tế lượng căn bản	3
	208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110 Khoa học môi trường	2

Nhóm TC 2: 18 TC (Min)

0201.	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209106 Trắc địa ảnh hàng không	3
	209108 Viễn thám ứng dụng	2
	209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209203 Thị trường bất động sản	2
	209211 Định giá bất động sản	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209304 Quy hoạch tổng thể KT-XH	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2

	209311	Lập luận chứng KT-KT	2
	209312	QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313	Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	209314	Hệ thống nông nghiệp	2
	212507	Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC	3:	10 TC (Min)	
0301.	209123	Trắc địa - Bản đồ	2
	209315	Quy hoạch	3
	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914	Tiểu luận tốt nghiệp	5

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014
Người lập biểu



Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

139
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	10135005	PHẠM GIA BẢO	DH10TB	134.0	2.67	209120	Quản lý thông tin đất đai Nhóm bắt buộc tự chọn	2 3	2	133	V
2	10135008	HỒ VĂN CHUNG	DH10TB	122.0	2.50	209120 209204 213601 213602 NN TH	Quản lý thông tin đất đai Phân tích thị trường BĐS Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	2 2 5 5 3	2	122	3.3
3	10135009	NGUYỄN THỊ ÁNH	DH10TB	139.0	2.83	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
4	10135011	HUỖNH PHÚ CƯỜNG	DH10TB	136.0	2.55	209905 209906	Rèn nghề 2-Định giá đ.đại BĐS Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS Nhóm bắt buộc tự chọn	1 1 1	2	132	V
5	10135020	ĐẶNG THỊ TRÚC	DH10TB	129.0	2.87	213601 213602 NN	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5 5			
6	10135021	HOÀNG THỊ THANH	DH10TB	127.0	2.76	209120 213601 213602 NN	Quản lý thông tin đất đai Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	2 5 5		133	V
7	10135023	NGUYỄN VIỆT THU HÀ	DH10TB	87.0	1.85	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202114	Toán cao cấp C1	3		101	3.1
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		112	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2			
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2			
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		121	V
						209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3			
						209210	Định giá đất đai	2		121	0.0
						209211	Định giá bất động sản	2			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	0.0
						209308	Quy hoạch đô thị	3			
						209402	Luật Kinh doanh BĐS	2			
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		121	V
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2			
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2			
						209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1			
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	14	2		
8	10135024	NGUYỄN NGỌC HẢI	DH10TB	139.0	2.76	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
9	10135026	TRẦN THỊ QUỲNH HẠNH	DH10TB	133.0	2.40	202114	Toán cao cấp C1	3		101	3.8
						202121	Xác suất thống kê	3		102	3.4
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
10	10135032	PHẠM THỊ HOA HẬU	DH10TB	129.0	2.94	213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
11	10135033	VƯƠNG THỊ HIỀN	DH10TB	129.0	2.91	213601 213602 NN TH	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	5 5			
12	10135035	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	DH10TB	124.0	2.31	200107 213601 213602 NN TH	Tư tưởng Hồ Chí Minh Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	2 5 5 3		132	3.0
13	10135043	LÊ THỊ HÒA	DH10TB	139.0	2.67	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
14	10135039	PHẠM THỊ HOÀI	DH10TB	137.0	2.62	209120 TH	Quản lý thông tin đất đai Chuẩn đầu ra Tin học	2		133	V
15	10135038	NGUYỄN VĂN HOAN	DH10TB	129.0	2.86	213601 213602 NN TH	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	5 5			
16	10135048	ĐỖ THỊ HOÀNG KIM	DH10TB	139.0	2.92	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
17	10135050	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH10TB	127.0	2.45	209210 209402 TH	Định giá đất đai Luật Kinh doanh BĐS Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	2 2 8		131	3.5
18	10135052	NGUYỄN KHÁNH LÊ	DH10TB	139.0	2.72	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
19	10135062	LỤC CAO MINH	DH10TB	123.0	2.60	209120 213601	Quản lý thông tin đất đai Anh văn 1	2 5			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
20	10135063	NGUYỄN ĐỨC MINH	DH10TB	84.0	1.93	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		112	2 . 4
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		121	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		112	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2			
						209203	Thị trường bất động sản	2		121	V
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2			
						209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3			
						209210	Định giá đất đai	2			
						209211	Định giá bất động sản	2			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		121	0 . 0
						209308	Quy hoạch đô thị	3			
						209401	Luật đất đai	2			
						209402	Luật Kinh doanh BĐS	2		121	2 . 0
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2			
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2			
						209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1			
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
21	10135064	NGUYỄN ĐẠI NAM	DH10TB	139.0	2.70	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
22	10135069	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	DH10TB	134.0	2.44	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2		
23	10135071	TRẦN TRỌNG NGHĨA	DH10TB	124.0	2.29	209210	Định giá đất đai	2			
						209211	Định giá bất động sản	2			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	11	2		
24	10135072	TRỊNH HOÀNG NGHĨA	DH10TB	132.0	2.56	209210	Định giá đất đai	2		132	1.5
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2		
25	10135073	LƯU KIM NGỌC	DH10TB	140.0	2.79	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
26	10135075	TÔN THỊ MINH NGUYỆT	DH10TB	139.0	2.88	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
27	10135077	NGUYỄN THANH HỒNG NHUNG	DH10TB	139.0	2.73	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
28	10135079	HỒ NGỌC NƯƠNG	DH10TB	138.0	2.47	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		133	V
29	10135080	NGÔ THỊ KIỀU OANH	DH10TB	136.0	2.81	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		103	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
30	10135081	NGUYỄN THẾ PHÁT	DH10TB	38.0	1.49	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		101	3.0
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		102	2.0
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3			
						208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		112	V
						209118	Tin học chuyên ngành	3		102	V
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2			
						209202	Kinh tế đất đai	2		111	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3			
						209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3			
						209210	Định giá đất đai	2			
						209211	Định giá bất động sản	2			
						209301	Tài nguyên đất đai	3			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3			
						209308	Quy hoạch đô thị	3			
						209401	Luật đất đai	2		112	
						209402	Luật Kinh doanh BĐS	2			
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2			
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2			
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2			
						209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1			
						209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1			
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	25	2		
31	10135084	NGUYỄN VĂN QUÂN	DH10TB	139.0	2.71	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
32	10135093	VŨ NGUYỄN THANH THANH	DH10TB	51.0	1.34	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	2.0
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		112	V
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3		112	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		112	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2			
						209202	Kinh tế đất đai	2			
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2			
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3			
						209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3			
						209210	Định giá đất đai	2			
						209211	Định giá bất động sản	2			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		111	3.5
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3			
						209308	Quy hoạch đô thị	3			
						209401	Luật đất đai	2		111	3.0
						209402	Luật Kinh doanh BĐS	2			
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2			
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2			
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2			
						209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1			
						209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1			
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	22	2		
33	10135096	NGUYỄN VĂN TRUNG	THÀNH	DH10TB	139.0	2.77	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
34	10135098	HOÀNG CHÍ	THIỆN	DH10TB	139.0	2.62	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
35	10135100	NGÔ THỊ	THU	DH10TB	137.0	2.88	209120 TH	Quản lý thông tin đất đai Chuẩn đầu ra Tin học	2		133 V
36	10135103	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	DH10TB	137.0	2.68	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		133 V
37	10135104	NGUYỄN HOÀI	THƯ	DH10TB	138.0	2.49	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		133 V
38	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	DH10TB	139.0	2.82	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
39	10135106	NGUYỄN VŨ THÙY	TIỀN	DH10TB	139.0	2.71	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
40	10135107	ĐẶNG THỊ	TIỀN	DH10TB	129.0	2.93	213601 213602 NN	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5 5		
41	10135110	TRẦN ANH	TÍN	DH10TB	129.0	2.64	213601 213602 NN	Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	5 5		
42	10135112	TRƯƠNG CÔNG NHÂN	TOÀN	DH10TB	120.0	2.25	208211 209118 213601 213602 NN	Kinh tế lượng căn bản Tin học chuyên ngành Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1	3 3 5 5	131 112	3.6
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2		
43	10135114	LÊ THỊ KIỀU	TRANG	DH10TB	139.0	3.09	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
44	10135116	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	DH10TB	138.0	2.63	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		133 V
45	10135119	TRẦN NGUYỄN THỊ TH	TRANG	DH10TB	139.0	2.68	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
46	10135124	ĐẶNG CÔNG TRÍ	DH10TB	137.0	2.76	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		122	2 . 8
47	10135125	ĐOÀN NGUYỄN XUÂN TRÍ	DH10TB	129.0	2.62	213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
48	10135127	LÊ QUANG TUẤN	DH10TB	130.0	2.24	209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		131	3 . 5
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2		
49	10135129	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	DH10TB	129.0	3.21	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		113	
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		112	V
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
50	10135136	TRẦN NHƯ UYÊN	DH10TB	100.0	1.86	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						202114	Toán cao cấp C1	3		101	3 . 1
						202115	Toán cao cấp C2	3		101	0 . 7
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		101	2 . 0
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		102	V
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		101	3 . 0
						209118	Tin học chuyên ngành	3		112	3 . 0
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2			
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2		122	3 . 6
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		123	V
						209210	Định giá đất đai	2		122	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209211	Định giá bất động sản	2		131	0.0
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		131	V
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	2		
51	10135138	LÊ ANH VẦN	DH10TB	139.0	2.47	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
52	10135140	LÊ THỊ TƯỜNG VI	DH10TB	119.0	2.37	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		133	V
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		131	3.8
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2		
53	10135142	LÊ TUẤN VŨ	DH10TB	121.0	2.23	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		101	2.0
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		133	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		131	0.0
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	2		
54	10135143	NGUYỄN NHẬT VŨ	DH10TB	122.0	2.09	202115	Toán cao cấp C2	3		111	3.4
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2		132	3.6
						209211	Định giá bất động sản	2		132	V
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	2		
55	10135144	HUỖNH MINH VƯƠNG	DH10TB	67.0	1.58	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	V
						202114	Toán cao cấp C1	3		101	3.8
						202121	Xác suất thống kê	3		102	3.2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		112	3.0
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		112	
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2			
						209201	Kinh tế đô thị và vùng	2			
						209203	Thị trường bất động sản	2			
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2			
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3			
						209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3			
						209211	Định giá bất động sản	2		121	0.0
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3			
						209308	Quy hoạch đô thị	3			
						209402	Luật Kinh doanh BĐS	2			
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		121	V
						209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1		121	V
						209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1			
						209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	16	2		
56	10135145	HỒ ĐĂNG XUÂN	DH10TB	129.0	2.73	213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 6 TC (Min)

0101.	202609	Logic học	2
	202616	Tâm lý học	2
	202621	Xã hội học đại cương	2
	208102	Địa lý kinh tế	2
	208453	Marketing căn bản	2
	212110	Khoa học môi trường	2

Nhóm TC 2: 28 TC (Min)

0201.	208345	Tín dụng ngân hàng	3
	208425	Thị trường chứng khoán	2
	209208	Hạch toán giá thành CTXD	2
	209209	Phát triển bất động sản	2
	209212	Quản lý dự án đầu tư BĐS	2
	209213	Marketing bất động sản	2
	209214	Tư vấn đầu tư BĐS	2
	209215	Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2
	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2
	209309	Nhà ở và kiến trúc	2
	209311	Lập luận chứng KT-KT	2
	209312	QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313	Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	209403	Luật dân sự	2
	209404	Luật đầu tư	2
	209409	Quản lý sàn giao dịch BĐS	2
	209415	Môi giới bất động sản	2
	209416	Nguyên lý bất động sản	2
	209417	Quản trị bất động sản	3
	209509	Phong thủy ứng dụng	3
	209912	Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914	Tiểu luận tốt nghiệp	5
	212507	Đánh giá tác động môi trường	2

In Ngày 03/10/14

TP.HCM, Ngày 03 tháng 10 năm 2014
Người lập biểu



Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

51
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	10424004	LÊ THỊ LAN CHI	LT10QL17	28.0	1.67	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3.0
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	2.0
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	2.0
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	3.0
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	10424006	PHAN THỊ CHUNG	LT10QL17	0.0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	V
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		103	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	2		
3	10424010	LƯU ĐÌNH DŨNG	LT10QL17	52.0	2.80	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
4	10424012	LÊ HOÀNG DUY	LT10QL17	52.0	2.57	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
5	10424019	NGUYỄN THỊ HIỀN	LT10QL17	52.0	2.96	NN	Chuẩn đầu ra B1				
6	10424021	LÊ HỒNG HIỀN	LT10QL17	54.0	3.06	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
7	10424023	NGUYỄN MINH HỌC	LT10QL17	18.0	1.26	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	V
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	0.0
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	3.0
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	2		
8	10424024	LÊ THỊ HỒNG	LT10QL17	52.0	3.18	NN	Chuẩn đầu ra B1				
9	10424028	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	LT10QL17	0.0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	V

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	V
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	V
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		103	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
10	10424031	LÊ KHÁNH	LAM	LT10QL17	52.0	2.89	NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
11	10424035	CAO NGUYỄN THỊ THỦ	LINH	LT10QL17	39.0	2.78	NN	Chuẩn đầu ra B1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
12	10424038	PHAN THÀNH	LUÂN	LT10QL17	0.0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111
							209107	Viễn thám cơ sở	3		112
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	V
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai UD	2		103	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209408	Thanh tra đất đai	2		103	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	2		
13	10424041	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LY	LT10QL17	55.0	3.02	NN	Chuẩn đầu ra B1				
14	10424042	LÊ THỊ CHÚC MAI	LT10QL17	54.0	2.74	NN	Chuẩn đầu ra B1				
15	10424051	HỒ THỊ MỸ NHUNG	LT10QL17	52.0	2.98	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
16	10424052	VÕ THỊ CẨM NHUNG	LT10QL17	55.0	3.05		Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
17	10424061	CHUNG BẢO QUỐC	LT10QL17	37.0	2.56	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	1.0
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	3.0
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
18	10424064	TRẦN VĂN TÂM	LT10QL17	40.0	2.03	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	0.0

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	3.0
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	0.0
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	3.0
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
19	10424071	HỒNG THANH THÚY	LT10QL17	10.0	0.69	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		111	0.0
						209107	Viễn thám cơ sở	3		112	V
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		111	V
						209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		112	V
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	V
						209302	Đánh giá đất đai	2		103	3.0
						209304	Quy hoạch tổng thể KT-XH	2		111	V
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		103	V
						209308	Quy hoạch đô thị	3		111	V
						209311	Lập luận chứng KT-KT	2		112	V
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		111	V
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		112	V
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
20	10424077	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	LT10QL17	42.0	2.71	NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
21	10424079	NGUYỄN CAO THỊ TRÍ	LT10QL17	37.0	2.68	209107	Viễn thám cơ sở	3		112	2.0
						209203	Thị trường bất động sản	2		112	3.0